

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SUNSHINE
(Tên cũ: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN REAL TECH)
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SUNSHINE

Tầng 12, tòa nhà Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3-4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	6 – 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho Quý 04 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Anh Tuấn	Chủ tịch
Bà Đỗ Thị Định	Thành viên
Ông Phan Ích Long	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/04/2024)
Ông Trần Đình Phương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/04/2024)
Bà Nguyễn Thị Phương Loan	Thành viên
Ông Đỗ Văn Trường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/04/2024)
Ông Vũ Lê Hiếu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/04/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Đỗ Thị Định	Tổng Giám đốc
Ông Phan Ích Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thu Huyền	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/10/2024)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SUNSHINE

Tầng 12, tòa nhà Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Thị Định
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 01 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		186.320.875.632	477.272.000.933
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	41.470.387.090	20.759.040.677
1. Tiền	111		41.470.387.090	4.259.040.677
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	16.500.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		122.905.890.055	432.258.244.147
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	23.078.949.867	40.989.163.372
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	102.112.232.270	309.510.577.378
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	60.572.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.779.822.429	30.403.890.215
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó	137	20	(4.065.114.511)	(9.217.386.818)
III. Hàng tồn kho	140	8	20.928.560.960	24.204.875.146
1. Hàng tồn kho	141		20.928.560.960	24.204.875.146
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.016.037.527	49.840.963
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	800.000.000	49.840.963
2. Thuế và các khoản khác phải thu	153	10	216.037.527	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.842.439.379.299	5.221.392.782.884
I. Tài sản cố định	220		14.272.812.981	17.000.145.907
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	13.876.246.770	16.249.278.326
- Nguyên giá	222		21.701.871.154	21.701.871.154
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.825.624.384)	(5.452.592.828)
2. Tài sản cố định vô hình	227		396.566.211	750.867.581
- Nguyên giá	228		1.600.000.000	1.600.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.203.433.789)	(849.132.419)
II. Bất động sản đầu tư	230	12	18.801.543.459	19.743.109.387
- Nguyên giá	231		121.805.348.384	121.805.348.384
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(103.003.804.925)	(102.062.238.997)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	5.799.145.045.649	5.183.539.866.382
1. Đầu tư vào công ty con	251		5.736.992.450.000	4.940.092.450.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		63.000.000.000	255.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(847.404.351)	(11.552.583.618)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		10.219.977.210	1.109.661.208
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	10.219.977.210	1.109.661.208
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6.028.760.254.931	5.698.664.783.817


Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.154.684.514.194	1.879.364.245.567
I. Nợ ngắn hạn	310		2.153.781.014.774	1.871.769.451.839
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	75.646.284.843	82.388.857.610
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	242.633.020.947	258.835.596.567
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	15.502.038.834	9.609.736.362
4. Phải trả người lao động	314		7.124.998.312	3.678.688.014
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	93.222.727.762	87.021.156.600
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	2.470.571.125	113.965.813
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.717.181.372.951	295.021.450.873
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	-	1.135.100.000.000
II. Nợ dài hạn	330		903.499.420	7.594.793.728
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	6.691.294.308
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	903.499.420	903.499.420
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.874.075.740.737	3.819.300.538.250
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	3.874.075.740.737	3.819.300.538.250
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		874.075.740.737	819.300.538.250
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		819.300.538.250	806.793.958.044
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		54.775.202.487	12.506.580.206
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		6.028.760.254.931	5.698.664.783.817


Nguyễn Hữu Khánh
Người lập biểu


Hồ Đức Việt
Kế toán trưởng


Đỗ Thị Định
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 01 năm 2025

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SUNSHINE

Tầng 12, tòa nhà Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng,
phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 02a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho Quý 4 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 Năm 2024	Quý 4 Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	20.637.711.566	73.486.327.162	156.333.637.185	122.623.650.093
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		20.637.711.566	73.486.327.162	156.333.637.185	122.623.650.093
3. Giá vốn hàng bán	11	25	9.986.526.214	52.206.408.790	57.029.337.670	79.353.351.314
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		10.651.185.352	21.279.918.372	99.304.299.515	43.270.298.779
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.951.332	2.127.506.014	2.301.678.972	65.227.706.086
6. Chi phí tài chính	22	27	1.134.534.247	15.823.071.366	18.191.146.761	40.906.918.953
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.134.534.247	14.420.010.959	28.896.326.028	40.059.260.272
7. Chi phí bán hàng	25		50.404.519	142.258.650	187.443.424	777.618.833
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	8.842.876.545	10.763.495.073	13.800.692.402	42.725.437.842
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-(21-22)-(25+26))	30		627.321.373	(3.321.400.703)	69.426.695.900	24.088.029.237
10. Thu nhập khác	31	29	14.706.923	-	217.986.261	1.099.615.406
11. Chi phí khác	32	29	13.020.659	1.112.096.887	640.430.662	3.057.164.305
12. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		1.686.264	(1.112.096.887)	(422.444.401)	(1.957.548.899)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		629.007.637	(4.433.497.590)	69.004.251.499	22.130.480.338
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	203.843.794	3.248.603.461	14.229.049.012	9.623.900.132
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		425.163.843	(7.682.101.051)	54.775.202.487	12.506.580.206



Nguyễn Hữu Khánh
Người lập biểu



Hồ Đức Việt
Kế toán trưởng




Đỗ Thị Định
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 01 năm 2025

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	69.004.251.499	22.130.480.338
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.668.898.854	(18.856.807.231)
Các khoản dự phòng	03	(15.857.451.574)	2.595.517.853
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.301.678.972)	(64.446.283.557)
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	06	28.896.326.028	40.059.260.272
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	83.410.345.835	(18.517.832.325)
Thay đổi các khoản phải thu	09	253.698.599.145	5.501.580.242
Thay đổi hàng tồn kho	10	3.276.314.186	49.376.205.030
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(48.822.183.350)	(64.145.647.766)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(9.860.475.039)	4.346.040.789
Tiền lãi vay đã trả	14	(14.982.597.260)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.957.056.705)	(24.559.420.224)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	156.730.902	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	257.919.677.714	(47.999.074.254)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.089.888.819)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	8.847.809.753
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	60.572.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.381.900.000.000)	(970.000.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	2.216.900.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay	27	2.319.668.699	64.446.283.557
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	897.891.668.699	(897.795.795.509)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	970.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.135.100.000.000)	(52.900.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(1.135.100.000.000)</i>	<i>917.100.000.000</i>
 Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	20.711.346.413	(28.694.869.763)
 Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	20.759.040.677	49.453.910.440
 Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	41.470.387.090	20.759.040.677


Nguyễn Hữu Khánh
Người lập biểu

Hồ Đức Việt
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Định
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 01 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine (Tên cũ là Công ty Cổ phần Tập đoàn Real Tech) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0106771556 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 09 tháng 02 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 7 tháng 5 năm 2024.

Công ty đã được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 499/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 9 năm 2021.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 12, tòa nhà Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 62 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 80 người)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là xây dựng và kinh doanh bất động sản, thầu phụ và các dịch vụ tư vấn khác.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư và xây dựng căn hộ chung cư để bán, kinh doanh bất động sản, xây nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, quản lý, khai thác các tài sản sau đầu tư, hoạt động thầu phụ và các hoạt động dịch vụ tư vấn khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường theo thời gian thi công của các công trình/dự án.

Đối với các hoạt động kinh doanh còn lại, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty con trực tiếp				
Công ty TNHH Dynamic Innovation	Hồ Chí Minh	85,80%	85,80%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartMind	Hà Nội	50,99%	50,99%	Môi giới CK, tự doanh CK, tư vấn đầu tư và bảo lãnh phát hành CK
Công ty cổ phần Sunshine Sky Villa	Hà Nội	92,00%	92,00%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ UniCloud	Hà Nội	78,48%	84,44%	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Sunshine Mart (i)	Hà Nội	51,00%	51,00%	Bán lẻ trong siêu thị, bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi
Công ty Cổ phần Quản lý & Vận hành S-Service (ii)	Hà Nội	55,00%	55,00%	Dịch vụ vận hành tòa nhà, chăm sóc duy trì cảnh quan
Công ty con gián tiếp				
Công ty Cổ phần Công nghệ Nanochip (qua Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ UniCloud)	Hồ Chí Minh	78,46%	99,98%	Sản xuất phần mềm
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ UniCloud (qua Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ UniCloud)	Hà Nội	77,70%	99,00%	Dịch vụ thương mại điện tử
Công ty TNHH Giáo dục Sunshine Maple Bear (qua Công ty Cổ phần Quản lý & Vận hành S-Service) (iii)	Hà Nội	52,91%	98,18%	Dịch vụ giáo dục
Công ty TNHH Đầu tư Giáo dục Phú Thượng (qua Công ty TNHH Dynamic Innovation) (iv)	Hà Nội	44,62%	52,00%	Dịch vụ giáo dục
Công ty Cổ phần S-Service Sài Gòn (qua Công ty CP Quản lý & Vận hành S-Service) (v)	Hồ Chí Minh	38,50%	70,00%	Dịch vụ vận hành tòa nhà, chăm sóc duy trì cảnh quan
Công ty liên kết gián tiếp				
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thuận Phú Lăng Cô (qua Công ty TNHH Dynamic Innovation) (vi)	Thừa Thiên Huế	33,91%	39,52%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty TNHH Phú Thịnh Land (qua Công ty TNHH Dynamic Innovation) (vii)	Hồ Chí Minh	37,58%	43,80%	Kinh doanh Bất động sản

(i) Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine nhận chuyển nhượng từ ông Đỗ Văn Trường 51% số vốn góp tại Công ty Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Sunshine Mart với số tiền 20.400.000.000 đồng theo Hợp đồng số 1311/2024/HĐCN ngày 13 tháng 11 năm 2024.

(ii) Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine nhận chuyển nhượng từ bà Đỗ Thị Hồng Nhung 55% cổ phần tại Công ty Cổ phần Quản lý & Vận hành S-Service với số tiền 47.700.000.000 đồng theo Hợp đồng số 2412/2024/HĐCN ngày 24 tháng 12 năm 2024.

(iii) Công ty Cổ phần Quản lý & Vận hành S-Service góp tăng vốn ngày 31/12/2024 với số tiền 39.000.000.000 đồng, sở hữu 70,91% vốn góp tại Công ty TNHH Giáo dục Sunshine Maple Bear.

(iv) Công ty TNHH Dynamic Innovation góp tăng vốn ngày 31/12/2024 với số tiền 65.000.000.000 đồng, sở hữu 52,00% vốn góp tại Công ty TNHH Đầu tư Giáo dục Phú Thượng.

(v) Công ty CP Quản lý & Vận hành S-Service góp vốn 35.000.000.000 đồng và sở hữu 70% cổ phần tại công ty con là Công ty Cổ phần S-Service Sài Gòn.

(vi) Công ty TNHH Dynamic Innovation nhận chuyển nhượng và nắm giữ 358.856.340 cổ phần sở hữu 39,52% cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thuận Phú Lăng Cô.

(vii) Công ty TNHH Dynamic Innovation góp vốn 600.000.000.000 đồng và sở hữu 43,80% phần vốn góp tại Công ty TNHH Phú Thịnh Land.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh của báo cáo tài chính riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho Quý 4 năm 2024.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động 3 tháng. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính theo các quy định hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của các đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm thành phẩm bất động sản của các dự án nhà ở chung cư kết hợp dịch vụ thương mại tại lô đất CT03A-CT thuộc ô CT03, khu đô thị Nam Thăng Long giai đoạn III, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội (dự án “Sunshine Riverside”); và hàng hóa sử dụng cho mục đích khuyến mại, tặng kèm cho các khách hàng nhận chuyển nhượng bất động sản thuộc dự án Sunshine Riverside.

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của thành phẩm bất động sản của dự án Sunshine Riverside bao gồm tiền sử dụng đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí thi công xây dựng, chi phí lãi vay, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình xây dựng dự án được tổng hợp và phân bổ vào giá thành đơn vị thành phẩm. Giá gốc hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động 3 tháng.

Thuê tài sản

Tất cả các khoản thuê tại Công ty được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm chi phí xây dựng và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

10

Thiết bị dụng cụ quản lý

3 - 5

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị thuộc dự án Sunshine Riverside do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

Số năm

Nhà cửa, vật kiến trúc

35

Máy móc, thiết bị

10

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí marketing, chi phí hoa hồng môi giới, chi phí hỗ trợ lãi suất cho khách hàng, chi phí quà tặng khách hàng và các khoản chi phí khác.

Chi phí marketing là chi phí trả trước, sau đó công ty sẽ phân bổ chi phí này khi các Dự án của Tập đoàn đủ điều kiện mở bán và sử dụng thương hiệu.

Chi phí hoa hồng môi giới, chi phí hỗ trợ lãi suất cho khách hàng và chi phí quà tặng khách hàng phát sinh trước khi Công ty bàn giao bất động sản cho khách hàng, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo doanh thu kinh doanh bất động sản khi bàn giao cho khách hàng.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Công ty hoàn thành giao dịch chuyển nhượng và được xác định theo số chênh lệch giữa giá chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi

nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.158.390.044	338.413.256
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.311.997.046	3.920.627.421
Các khoản tương đương tiền	-	16.500.000.000
	<u>41.470.387.090</u>	<u>20.759.040.677</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Phải thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	4.281.010.170	15.013.422.083
Phải thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn	18.292.430.501	-
Phải thu từ hoạt động kinh doanh khác	505.509.196	25.975.741.289
	<u>23.078.949.867</u>	<u>40.989.163.372</u>

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 31)	18.514.000.952	25.846.772.339
--	----------------	----------------

6. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty CP Kinh doanh Bất động sản S- Việt Nam (*)	97.148.921.167	141.391.502.050
Công ty TNHH Đầu tư Và Xây dựng Hạ tầng Miền Bắc	-	160.118.610.924
Khác	4.963.311.103	8.000.464.404
	102.112.232.270	309.510.577.378

(*) Phản ánh các khoản trả trước cho Công ty cổ phần kinh doanh bất động sản S- Việt Nam theo hợp đồng số 1210/HĐTC/PT-QTSS ngày 12 tháng 10 năm 2020 để thực hiện dự án Xây dựng công trình vườn sinh thái Cẩm Đình- Hiệp Thuận tại Phúc Thọ, thành phố Hà Nội do Công ty TNHH Thương mại Kim Thanh là chủ đầu tư và Công ty Cổ phần Sunshine Homes - bên liên quan của Công ty làm tổng thầu và Công ty làm thầu phụ.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu các công ty về tiền nhận nợ thay cho các khách hàng mua căn hộ	-	28.734.877.397
Phải thu ngắn hạn khác	1.774.822.429	1.669.012.818
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	5.000.000	-
	1.779.822.429	30.403.890.215

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Thành phẩm bất động sản (*)	20.558.680.192	-	23.834.994.378	-
Hàng hóa	369.880.768	-	369.880.768	-
	20.928.560.960	-	24.204.875.146	-

(*) Phản ánh các thành phẩm bất động sản hình thành từ dự án Sunshine Riverside.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Dịch vụ truyền thông và chi phí trả trước khác	800.000.000	49.840.963
	800.000.000	49.840.963
b. Chi phí trả trước dài hạn		
- Chi phí marketing	8.888.888.888	-
- Công cụ dụng cụ	507.796.191	80.020.467
- Chi phí trả trước dài hạn khác	823.292.131	1.029.640.741
	10.219.977.210	1.109.661.208

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải thu/nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ bù trừ trong kỳ	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	216.037.527	216.037.527
Tổng	-	-	216.037.527	216.037.527
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	537.910.227	15.196.835.993	14.626.059.066	1.108.687.154
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.957.056.704	14.229.049.012	8.957.056.705	14.229.049.011
Thuế thu nhập cá nhân	114.769.431	6.549.577.905	6.500.044.667	164.302.669
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.849.574.753	1.849.574.753	-
Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Tổng	9.609.736.362	37.829.037.663	31.936.735.191	15.502.038.834

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	929.451.971	20.772.419.183	21.701.871.154
Số dư cuối kỳ	929.451.971	20.772.419.183	21.701.871.154
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	342.937.584	5.109.655.244	5.452.592.828
Khấu hao trong kỳ	182.758.370	2.190.273.186	2.373.031.556
Số dư cuối kỳ	525.695.954	7.299.928.430	7.825.624.384
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	586.514.387	15.662.763.939	16.249.278.326
Tại ngày cuối kỳ	403.756.017	13.472.490.753	13.876.246.770

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	78.774.040.486	43.031.307.898	121.805.348.384
Số dư cuối kỳ	78.774.040.486	43.031.307.898	121.805.348.384
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	62.048.632.705	40.013.606.292	102.062.238.997
Khấu hao trong kỳ	519.274.332	422.291.596	941.565.928
Số dư cuối kỳ	62.567.907.037	40.435.897.888	103.003.804.925
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	16.725.407.781	3.017.701.606	19.743.109.387
Tại ngày cuối kỳ	16.206.133.449	2.595.410.010	18.801.543.459

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	5.736.992.450.000	-	4.940.092.450.000	(7.868.754.687)
Công ty TNHH Dynamic Innovation (i)	3.228.800.000.000	-	1.915.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartMind	510.092.450.000	-	510.092.450.000	-
Công ty Cổ phần Sunshine Sky Villa	1.840.000.000.000	-	1.840.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển S.I (ii)	-	-	585.000.000.000	(7.868.754.687)
Công ty Cổ phần Tập đoàn công nghệ UniCloud	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Sunshine Mart (i)	20.400.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý & Vận hành S-Service (i)	47.700.000.000	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	63.000.000.000	(847.404.351)	255.000.000.000	(3.683.828.931)
Công ty Cổ phần Thiên Hải (iii)	-	-	255.000.000.000	(3.683.828.931)
Công ty Cổ phần Phát triển S.I	63.000.000.000	(847.404.351)	-	-
Tổng	5.799.992.450.000	(847.404.351)	5.195.092.450.000	(11.552.583.618)

(i) Thông tin theo Cấu trúc doanh nghiệp, Thuyết minh số 1: Thông tin khái quát.

(ii) Giảm 29.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển S.I theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2024/HĐCNCP/SI/SS-Smart ngày 11 tháng 06 năm 2024. Sau khi giảm, số cổ phần Công ty sở hữu tại Công ty Cổ phần Phát triển S.I còn 3.500.000 cổ phần và được phân loại tại chỉ tiêu đầu tư vào đơn vị khác.

(iii) Giảm toàn bộ 728.573 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thiên Hải theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/2024/HĐCNCP/TH/SS-SHOMES ngày 11 tháng 06 năm 2024.

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
		VND		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine Sài Gòn	23.755.456.799	23.755.456.799	28.855.456.799	28.855.456.799
Công ty Cổ phần Euro Window	13.742.788.950	13.742.788.950	14.507.451.069	14.507.451.069
Công ty TNHH Tập đoàn thang máy Thiết bị Thăng Long	12.010.639.580	12.010.639.580	12.938.600.000	12.938.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư B&B	7.848.450.815	7.848.450.815	8.348.450.815	8.348.450.815
Các đối tượng khác	18.288.948.699	18.288.948.699	17.738.898.927	17.738.898.927
	75.646.284.843	75.646.284.843	82.388.857.610	82.388.857.610
Trong đó:				
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31)	25.365.638.916	25.365.638.916	29.588.584.344	29.588.584.344

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty CP đầu tư KD bất động sản S-Homes (*)	242.633.020.947	258.835.596.567
Tổng	242.633.020.947	258.835.596.567
Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31)	242.633.020.947	258.835.596.567

(*) Khoản trả trước từ nhà thầu chính của Dự án Khu vườn sinh thái Cẩm Đình – Hiệp Thuận theo Hợp đồng 0510/HĐTC/SSH-PT ngày 05 tháng 10 năm 2020. Dự án này do Công ty TNHH Thương mại Kim Thanh làm chủ đầu tư, Công ty đóng vai trò làm thầu phụ.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trích trước chi phí phát triển BĐS đã chuyển nhượng	20.279.691.352	27.907.723.887
Trích trước chi phí lãi vay	72.235.761.643	58.322.032.875
Trích trước chi phí khác	707.274.767	791.399.838
Tổng	93.222.727.762	87.021.156.600

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phí dịch vụ quản lý tòa nhà	2.359.110.638	9.478.545
Doanh thu cho thuê mặt bằng	111.460.487	104.487.268
Tổng	2.470.571.125	113.965.813
b. Dài hạn		
Phí dịch vụ quản lý tòa nhà	-	6.691.294.308
Tổng	-	6.691.294.308

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ông Dương Văn Phúc (i)	265.000.000.000	265.000.000.000
Kinh phí bảo trì (ii)	8.269.770.089	22.798.236.303
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (iii)	1.440.056.730.902	-
Các khoản phải trả khác	3.854.871.960	7.223.214.570
	<u>1.717.181.372.951</u>	<u>295.021.450.873</u>

Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)

1.439.900.000.000

-

(i) Phải trả ông Dương Văn Phúc theo hợp đồng số 02/2020/PT-S.I ký ngày 09/09/2020 và Phụ lục 07 ký ngày 06/01/2022.

(ii) Kinh phí bảo trì cho các căn hộ đã bàn giao thuộc Dự án Sunshine Riverside được xác định theo tỷ lệ 2% giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và khoản lãi tương ứng phát sinh từ việc gửi tiết kiệm khoản kinh phí bảo trì. Các khoản này sẽ được chuyển về Ban Quản Trị tòa nhà sau khi thành lập.

(iii) Khoản nhận đặt cọc mua cổ phần tại Công ty TNHH Dynamic Innovation từ Công ty Cổ phần Sunshine Sky Villa theo Hợp đồng số 2208/2024/HĐĐC/SSG-SKV, số dư tại 31/12/2024 là 1.439.900.000 đồng.

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Phản ánh số dư dự phòng bảo hành cho các bất động sản đã hoàn thành và bàn giao tại Dự án Sunshine Riverside, trong thời hạn 05 năm kể từ ngày bàn giao cho khách hàng. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 số dư dự phòng bảo hành là 903.499.420 đồng (Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 903.499.420 đồng).

20. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng VND	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng VND
Giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi:						
Ông Nguyễn Khắc Trung	2.498.426.170	2.498.426.170	-	3.154.786.165	-	3.154.786.165
Bà Đỗ thị Xoan	197.486.142	197.486.142	-	1.997.486.142	-	1.997.486.142
Công ty Cổ phần Cơ điện Fugytech	2.630.677.980	-	2.630.677.980	2.630.677.980	-	2.630.677.980
Các đối tượng khác	1.434.436.531	-	1.434.436.531	1.434.436.531	-	1.434.436.531
Tổng cộng	6.761.026.823	2.695.912.312	4.065.114.511	9.217.386.818	-	9.217.386.818

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2024			Trong kỳ			31/12/2024		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND	Tăng	VND Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND	
Công ty Cổ phần tư vấn và Giám sát Công trình Xây dựng Apac	1.200.000.000	1.200.000.000	-	-	1.200.000.000	-	-	-	
Công ty TNHH Kinh doanh Xây dựng Đất Việt	1.133.900.000.000	1.133.900.000.000	-	-	1.133.900.000.000	-	-	-	
Tổng	1.135.100.000.000	1.135.100.000.000	-	-	1.135.100.000.000	-	-	-	

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>			
Số dư đầu năm	3.000.000.000.000	806.793.958.044	3.806.793.958.044
Lợi nhuận trong năm	-	12.506.580.206	12.506.580.206
Số dư cuối năm	3.000.000.000.000	819.300.538.250	3.819.300.538.250
<i>Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>			
Số dư đầu kỳ	3.000.000.000.000	819.300.538.250	3.819.300.538.250
Lợi nhuận trong kỳ	-	54.775.202.487	54.775.202.487
Số dư cuối kỳ	3.000.000.000.000	874.075.740.737	3.874.075.740.737

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 07 tháng 05 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 3.000.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3.000.000.000.000 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	%	VND	%
Ông Đỗ Anh Tuấn	1.627.218.600.000	54,24%	1.627.218.600.000	54,24%
Bà Đỗ Thị Định	127.218.600.000	4,24%	127.218.600.000	4,24%
Các cổ đông khác	1.245.562.800.000	41,52%	1.245.562.800.000	41,52%
	3.000.000.000.000	100,00%	3.000.000.000.000	100,00%

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	300.000.000	300.000.000
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	300.000.000	300.000.000
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.		

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	1.789.402.760	720.125.090
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	7.157.611.040	2.880.500.360
Trên 5 năm	64.555.768.613	26.703.816.694
	73.502.782.413	30.304.442.144

Các khoản thanh toán thuê hoạt động chủ yếu bao gồm tiền thuê 8.262,2 m² tại lô đất CT03A-CT, khu đô thị Nam Thăng Long giai đoạn III, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thuê đất số 228/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 10 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty và Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Thời hạn thuê từ ngày 11 tháng 3 năm 2016 đến ngày 20 tháng 01 năm 2066. Đơn giá tính tiền thuê đất được xác định bởi Cục Thuế thành phố Hà Nội theo thời giá.

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của Hợp đồng thuê đất đang được ước tính theo giá tiền thuê đất năm 2024 là 1.789.402.760 đồng/năm (Theo Thông báo 8071/TT/CCT-TBTK ngày 24 tháng 04 năm 2024 của Chi cục thuế quận Tây Hồ).

24. DOANH THU

	Quý 4 Năm 2024	Quý 4 Năm 2023
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	9.300.000.034	26.019.192.545
Doanh thu dịch vụ thầu phụ	-	45.621.127.794
Doanh thu cho thuê mặt bằng	-	-
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	596.821.531	326.293.718
Doanh thu dịch vụ tư vấn	9.501.398.137	-
Doanh thu quản lý tòa nhà hỗ trợ khách hàng	1.070.686.636	-
Doanh thu khác	168.805.228	1.519.713.105
	20.637.711.566	73.486.327.162
Trong đó		
Doanh thu với bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 31)	9.606.972.405	45.686.774.727

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 4 Năm 2024	Quý 4 Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	3.263.391.238	32.363.387.812
Giá vốn dịch vụ thầu phụ	-	40.694.059.588
Giá vốn dịch vụ cho thuê mặt bằng	-	-
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	235.391.482	(22.300.244.393)
Giá vốn hoạt động tư vấn	5.417.056.858	-
Giá vốn dịch vụ quản lý tòa nhà hỗ trợ khách hàng	1.070.686.636	-
Giá vốn khác	-	1.449.205.783
	9.986.526.214	52.206.408.790

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 4 Năm 2024	Quý 4 Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	3.951.332	2.127.506.014
	3.951.332	2.127.506.014
Trong đó		
Doanh thu tài chính với bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 31)	3.208.397	-

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 4 Năm 2024	Quý 4 Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.134.534.247	14.420.010.959
Trích lập/ hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	1.403.060.407
	1.134.534.247	15.823.071.366

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý 4 Năm 2024	Quý 4 Năm 2023
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên	5.418.774.693	7.699.737.423
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.629.559.928	2.192.428.947
- Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	27.720.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	685.559.095	661.886.218
- Chi phí khác	108.982.829	181.722.485
	8.842.876.545	10.763.495.073
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí dịch vụ hoa hồng môi giới	-	-
- Chi phí bán hàng khác	50.404.519	142.258.650
	50.404.519	142.258.650

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

29. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý 4 Năm 2024 VND	Quý 4 Năm 2023 VND
Thu nhập khác		
Khác	14.706.923	-
	14.706.923	-
Chi phí khác		
Các khoản phạt vi phạm hành chính	-	28.877.334
Khác	13.020.659	1.083.219.553
	13.020.659	1.112.096.887

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Quý 4 Năm 2024 VND	Quý 4 Năm 2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	203.843.794	3.248.603.461
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	203.843.794	3.248.603.461

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định như sau:

	Quý 4 Năm 2024 VND	Quý 4 Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	629.007.637	(4.433.497.590)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	390.211.333	-
Chi phí bán hàng chung các Kỳ trước	-	-
Chi phí không được khấu trừ	390.211.333	-
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.019.218.970	(4.433.497.590)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (20%)	203.843.794	3.248.603.461

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Phát triển Tập đoàn Sunshine
 Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine Sài Gòn
 Công ty CP Đầu tư Kinh doanh BĐS S-Homes
 Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes
 Công ty Cổ phần Sunshine AM
 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đỉnh
 Công ty Cổ phần Bất động sản Fulland
 Công ty CP Dịch vụ Thương mại S-Mart Sài Gòn
 Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG
 Công ty Cổ phần Sunshine CAB
 Công ty Cổ phần KS Group
 Công ty CP Đầu tư Thương mại Sunshine Bussiness
 Công ty Cổ phần Sao Ánh Dương
 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Biên
 Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Vietnet
 Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân La
 Ngân hàng TMCP Kiên Long
 Công ty Cổ phần S-Decoro
 Công ty Cổ phần Sunshine - Design
 Công ty Cổ phần Marina 3
 Công ty cổ phần Property Homes
 Công ty cổ phần Roman E&C
 Công ty cổ phần S"School
 Công ty cổ phần Sunshine Marina Nha Trang
 Công ty Cổ phần Sunshine Nhật Tân
 Công ty Cổ phần Sunshine Tây Hồ
 Công Ty TNHH Bảo Tín Sơn Tùng
 Công ty TNHH đầu tư Diamond Westlake
 Công ty TNHH đầu tư Nhà Hưng Thịnh Phát
 Công ty TNHH Dynamic Innovation
 Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartMind
 Công ty Cổ phần phát triển S.I
 Công ty cổ phần Sunshine Sky Villa
 Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ UniCloud
 Công ty TNHH KD TM và DV Sunshine Mart
 Công ty CP Quản lý & Vận hành S-Service
 Công ty Cổ phần Công nghệ Nanochip
 Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ UniCloud
 Công ty Cổ phần S- Service Sài Gòn
 Công ty TNHH Giáo dục Sunshine Maple Bear
 Công ty TNHH Đầu tư Giáo dục Phú Thượng
 Công ty CP Đầu tư Phát triển Thuận Phú Lăng Cô
 Công ty TNHH Phú Thịnh Land
 Ông Đỗ Văn Trường
 Bà Đỗ Thị Hồng Nhung
 Ông Lê Hoàng Nam

Mối quan hệ

Chung thành viên quản lý chủ chốt
 Chung thành viên quản lý chủ chốt
 Chung thành viên quản lý chủ chốt
 Chung thành viên quản lý chủ chốt
 Chung thành viên quản lý chủ chốt
 Chung thành viên quản lý chủ chốt
 Chung thành viên quản lý chủ chốt
 Chung thành viên quản lý chủ chốt
 Chung thành viên quản lý chủ chốt
 Chung thành viên quản lý chủ chốt
 Chung thành viên quản lý chủ chốt
 Chung thành viên quản lý chủ chốt
 Bên liên quan đến ngày 12/12/2024
 Chung thành viên quản lý chủ chốt
 Chung thành viên quản lý chủ chốt
 Chung thành viên quản lý chủ chốt
 Chung thành viên quản lý chủ chốt
 Chung thành viên quản lý chủ chốt
 Chung thành viên quản lý chủ chốt
 Chung thành viên quản lý chủ chốt
 Chung thành viên quản lý chủ chốt
 Chung thành viên quản lý chủ chốt
 Công ty con của Công ty
 Công ty con của Công ty
 Công ty con của Công ty đến ngày 12/06/2024
 Công ty con của Công ty
 Công ty con của Công ty
 Công ty con của Công ty
 Công ty con của Công ty
 Công ty con gián tiếp của Công ty
 Công ty con gián tiếp của Công ty
 Công ty con gián tiếp của Công ty
 Công ty con gián tiếp của Công ty
 Công ty con gián tiếp của Công ty
 Công ty liên kết gián tiếp của Công ty
 Công ty liên kết gián tiếp của Công ty
 Thành viên Hội đồng Quản trị
 Em ruột của Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

Nội dung nghiệp vụ phát sinh		Quý 4 Năm 2024	Quý 4 Năm 2023
		VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.606.972.405	45.686.774.727
Công ty Cổ phần Sunshine AM	Doanh thu cho thuê sàn Thương mại	-	65.646.933
Công ty CP Quản lý & Vận hành S-Service	Doanh thu cho thuê BĐS đầu tư	95.781.819	-
Công ty Cổ phần Sao Ánh Dương	Cho thuê mặt bằng	9.792.449	-
Công ty cổ phần Sunshine Sky Villa	Cung cấp dịch vụ tư vấn	9.501.398.137	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	Doanh thu xây dựng	-	27.543.845.126
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh BĐS S-Homes	Doanh thu xây dựng (thầu phụ)	-	18.077.282.668
Doanh thu hoạt động tài chính		3.208.397	-
Ngân hàng TMCP Kiên Long	Lãi tiền gửi	3.208.397	-
Mua hàng hóa, dịch vụ		1.952.961.517	29.372.618.331
Công ty CP Quản lý & Vận hành S-Service	Chi phí quản lý và vận hành dự án	1.416.851.905	1.527.127.476
Công ty Cổ phần S-Decoro	Chi phí thi công xây dựng	128.513.064	620.262.771
Công ty TNHH KD TM và DV Sunshine Mart	Chi phí dịch vụ suất ăn, văn phòng phẩm và chi phí voucher thưởng	285.396.548	381.619.745
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Uncloud	Chi phí cung cấp Dịch vụ phần mềm, quản trị hệ thống	109.200.000	184.013.636
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	Chi phí thi công xây dựng	-	388.361.249
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine Sài Gòn	Thuê văn phòng	-	26.232.233.454
Công ty Cổ phần Sunshine CAB	Chi phí thuê xe	13.000.000	39.000.000
Chuyển nhượng cổ phần		68.100.000.000	-
Ông Đỗ Văn Trường	Chuyển nhượng cổ phần, vốn góp	20.400.000.000	-
Bà Đỗ Thị Hồng Nhung	Chuyển nhượng cổ phần, vốn góp	47.700.000.000	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SUNSHINE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/12/2024

	<u>Nội dung số dư</u>	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
		VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền		36.170.932.459	19.805.253.408
Ngân hàng TMCP Kiên Long	Tiền và các khoản tương đương tiền	36.170.932.459	19.805.253.408
Phải thu khách hàng ngắn hạn		18.514.000.952	25.846.772.339
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	Phải thu Hợp đồng xây dựng	-	25.653.509.639
Công ty CP Quản lý & Vận hành S-Service	Phải thu cho thuê BĐS	123.360.000	-
Công ty cổ phần Sunshine Sky Villa	Phải thu dịch vụ tư vấn	8.119.526.576	-
Công ty TNHH Dynamic Innovation	Phải thu dịch vụ tư vấn	10.172.903.925	-
Ông Lê Hoàng Nam	Phải thu CN căn hộ	98.210.451	193.262.700
Phải thu ngắn hạn khác		-	39.283.562
Ngân hàng TMCP Kiên Long	Lãi hợp đồng tiền gửi ngắn hạn	-	39.283.562
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		242.633.020.947	258.835.596.567
Công ty CP đầu tư kinh doanh BĐS S-Homes	Trả trước HĐ xây dựng (thầu phụ)	242.633.020.947	258.835.596.567
Phải trả người bán ngắn hạn		25.365.638.916	29.588.584.344
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	Phải trả chi phí thi công dự án	-	553.828.899
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Sunshine Mart	Voucher quà tặng, suất ăn ca	386.744.782	-
Công ty CP Quản lý & Vận hành S-Service	Phí vận hành tòa nhà, tiền điện	1.223.437.335	179.298.646
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine Sài Gòn	Phải trả về chi phí mua vật tư	23.755.456.799	28.855.456.799
Chi phí phải trả ngắn hạn		337.394.000	337.394.000
Công ty TNHH Đầu tư Giáo dục Phú Thượng	Chi phí phải trả thẻ mầm non (Voucher tặng khách hàng)	337.394.000	337.394.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		1.439.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Sunshine Sky Villa	Nhận đặt cọc mua cổ phần	1.439.900.000.000	-

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Quý 4 Năm 2024	Quý 4 Năm 2023
	VND	VND
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	4.486.686.496	1.205.627.372
Bà Đỗ Thị Định	1.372.516.496	386.087.372
Bà Đỗ Thu Huyền	-	419.100.000
Ông Phan Ích Long	294.170.000	220.440.000
Ông Đỗ Anh Tuấn	1.500.000.000	60.000.000
Ông Trần Đình Phương	-	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương Loan	300.000.000	30.000.000
Ông Vũ Lê Hiếu	60.000.000	-
Ông Đỗ Văn Trường	900.000.000	-
Ban Kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	30.000.000	30.000.000
Bà Vũ Thị Thúy Nga	15.000.000	15.000.000
Bà Đỗ Ngọc Anh	15.000.000	15.000.000

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Hữu Khánh
Người lập biểu



Hồ Đức Việt
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Định
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 01 năm 2025